

## QUY TẮC BẢO HIỂM / POLICY SCHEDULE

*Mọi thắc mắc về quy tắc bảo hiểm Quý khách vui lòng liên hệ hotline chăm sóc khách hàng của Bảo hiểm PVI : 02473.008.006*

*For questions about policy schedule, please contact PVI Insurance's customer service hotline: 02473.008.006*

---

### MỤC 1/ Section 1: GIẤY CHỨNG NHẬN BẢO HIỂM /THE CERTIFICATE OF INSURANCE

---

- 1.1.** Tài liệu này bao gồm các nội dung chi tiết về phạm vi bảo hiểm, các điều khoản, điều kiện và loại trừ liên quan đến từng Chủ thẻ và là cơ sở giải quyết tất cả các khiếu nại.

This document contains the details of the cover, and the terms, conditions & exclusions relating to each Cardholder, and is the basis upon which all claims will be settled.

- 1.2.** Khi xem xét thanh toán phí bảo hiểm của Người được bảo hiểm, Chủ thẻ có quyền hưởng các Quyền lợi và Dịch vụ theo Giấy chứng nhận này, trong Thời hạn bảo hiểm, trong giới hạn địa lý, tùy thuộc vào các điều khoản, điều kiện và loại trừ.

In consideration of payment of the premium by the Insured, the Cardholder is entitled to indemnified Benefits and Services under this Certificate, during the Period of Insurance, within the geographical limits, subject to the terms, conditions & exclusions.

- 1.3.** Các quyền lợi được bảo hiểm bởi Bảo hiểm PVI. Bảo hiểm PVI được ủy quyền và quản lý bởi Bộ Tài chính.

The Benefits are underwritten by PVI Insurance. PVI Insurance is authorised and regulated by Ministry of Finance.

- 1.4.** Dịch vụ được cung cấp hoặc sắp xếp bởi ISOS. Trong một số trường hợp, khi ISOS sắp xếp dịch vụ hỗ trợ theo yêu cầu Chủ thẻ, Chủ thẻ phải thanh toán chi phí của các dịch vụ đó.

The Services are either provided or arranged by International SOS. In certain cases, where International SOS arranges assistance services upon Cardholder's request, the cost of such services must be borne by the cardholder.



**1.5.** Giấy chứng nhận này sẽ được quản lý và hiểu theo luật pháp Việt Nam, và Trung tâm Trọng tài quốc tế Việt Nam (các tòa án của Việt Nam) sẽ có thẩm quyền trong bất kỳ tranh chấp nào phát sinh dưới đây.

This Certificate shall be governed and construed in accordance with the laws of Vietnam, and the Vietnam International Arbitration Centre shall have jurisdiction in any dispute arising hereunder.

## **MỤC 2 Section 2: Ý NGHĨA CỦA THUẬT NGỮ/ MEANING OF WORDS**

**Tai nạn** có nghĩa là sự cố bất ngờ, không lường trước, gây ra bởi tác động bên ngoài và xảy ra cụ thể tại một thời điểm và địa điểm nhất định dẫn đến chấn thương cơ thể.

Accident shall mean any sudden, unexpected, external and violent and specific event which occurs at an identifiable time (moment or point in time) and place which results in Bodily Injury.

**Hành vi khủng bố** có nghĩa là hành động, bao gồm nhưng không giới hạn việc sử dụng vũ lực hoặc bạo lực và/hoặc đe dọa của bất kỳ người hoặc nhóm người nào, cho dù hành động một mình hoặc thay mặt hoặc liên quan đến bất kỳ tổ chức nào (hoặc chính phủ nhằm mục đích chính trị, tôn giáo, tư tưởng hoặc tương tự hoặc lý do bao gồm ý định ảnh hưởng đến bất kỳ chính phủ và/hoặc khiến công chúng, hoặc bất kỳ phần nào của công chúng sợ hãi.

**Act of Terrorism** shall mean an act, including but not limited to the use of force or violence and/or threat thereof, of any person or group(s) of persons, whether acting alone or on behalf of or in connection with any organisation(s) or government(s), committed for political, religious, ideological or similar purposes or reasons including the intention to influence any government and/or to put the public, or any section of the public, in fear.

**Hành lý** có nghĩa là hàng hóa cá nhân kèm theo thuộc về Chủ thẻ và được Chủ thẻ mang theo trong Hành trình hoặc Chủ thẻ có được trong Hành trình.

**Baggage** shall mean accompanied personal goods belonging to the Cardholder and which are taken by the Cardholder on a Journey or acquired by the Cardholder during a Journey.

**Quyền lợi** có nghĩa là các quyền lợi bồi thường được cung cấp bởi Nhà bảo hiểm theo các điều khoản và điều kiện của Giấy chứng nhận này, như được nêu trong các mục từ 6 đến hết 10.

Benefits shall mean the indemnified benefits supplied by Underwriters under the terms & conditions of this Certificate, as set out in sections 6 to 10 inclusive.



**Chấn thương cơ thể** có nghĩa là chấn thương cơ thể xác định, được gây ra bởi tai nạn và trong vòng mười hai tháng kể từ ngày xảy ra tai nạn dẫn tới Chủ thẻ bị tử vong, Thương tật toàn bộ vĩnh viễn hoặc Cắt cụt chi.

Bodily Injury shall mean identifiable physical injury, which is caused by an Accident and which within twelve months from the date of the Accident results in the Cardholder's death, Permanent Total Disablement or Dismemberment.

**Thẻ** có nghĩa là một thẻ được cấp theo chương trình thẻ của Khách hàng, được bao gồm các Quyền lợi và Dịch vụ của Giấy chứng nhận này.

Card means a card issued pursuant to the Client's card program in which the Benefits and Services of this Certificate have been incorporated.

**Chủ thẻ** có nghĩa là bất kỳ người nào có thẻ Vietcombank: thẻ tín dụng Vietcombank CashPlus Platinum American Express, thẻ tín dụng Vietcombank Vietnam Airlines American Express Platinum, thẻ tín dụng Vietcombank Visa Infinite, Thẻ tín dụng Vietcombank Mastercard World, Thẻ tín dụng Vietcombank Visa Signature, Thẻ tín dụng Vietcombank American Express Corporate, Thẻ tín dụng Vietcombank Visa Corporate, Thẻ tín dụng Vietcombank Visa Platinum, Thẻ ghi nợ Vietcombank Visa Platinum, thẻ tín dụng Vietcombank Vibe Platinum, thẻ tín dụng Vietcombank JCB Platinum, thẻ tín dụng Vietcombank Amex hạng xanh, thẻ tín dụng Vietcombank Amex hạng vàng hợp lệ do Khách hàng phát hành và sẽ bao gồm bất kỳ thành viên trong Gia đình, đi du lịch trên Hành trình từ nơi cư trú chính hoặc nơi làm việc của mình với vé được chỉ định trước.

Cardholder/s shall mean any person who has a valid Vietcombank CashPlus Platinum American Express credit card, Vietcombank Vietnam Airlines American Express Platinum credit card, Vietcombank Visa Infinite credit card, Vietcombank Mastercard World credit card, Vietcombank Visa Signature credit card, Vietcombank American Express Corporate credit card, Vietcombank Visa Corporate credit card, Vietcombank Visa Platinum credit card, Vietcombank Visa Platinum debit card, Vietcombank Vibe Platinum credit card, Vietcombank JCB Platinum credit card, Vietcombank Amex credit card, Vietcombank Amex gold credit card issued by the Client and will include any member of Family, who is travelling on a Journey from his/her principal place of residence or place of work with pre-assigned ticketing.

**Giấy chứng nhận** có nghĩa là Giấy chứng nhận bảo hiểm này.

Certificate means this Certificate of Insurance.



**Hãng/Đơn vị vận tải công cộng** có nghĩa là bất kỳ phương tiện giao thông công cộng nào bằng đường bộ, đường sắt, đường biển hoặc đường hàng không với nhà cung cấp dịch vụ được cấp phép hoạt động thường xuyên và/hoặc dịch vụ vận tải hành khách.

Common Carrier shall mean any public transport by road, rail, sea or air with a licensed carrier operating a regular and/or charter passenger service.

**Bao gồm các yêu cầu bắt buộc** có nghĩa là việc cung cấp các quyền lợi và dịch vụ tự động cho các Chủ thẻ mà các quyền lợi và dịch vụ không được cung cấp trên cơ sở tùy chọn.

Compulsory Inclusion shall mean the automatic provision of Benefits and Services to the Cardholders where the Benefits and Services are not offered on an optional basis.

**Khách hàng** có nghĩa là Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam,

Client means JOINT STOCK COMMERCIAL BANK FOR FOREIGN TRADE OF VIETNAM (VIETCOMBANK)

**ISOS** nghĩa là International SOS.

ISOS means International SOS

**Vi phạm** có nghĩa là bất kỳ hành vi vi phạm nghĩa vụ của một trong hai bên hoặc bất kỳ hành động, thiếu sót, hành động cầu thả hoặc tuyên bố của một trong hai bên, nhân viên, đại lý hoặc nhà thầu phụ và trách nhiệm phát sinh từ bên vi phạm cho bên kia.

Default means any breach of the obligations of either Party or any act, omission, negligent act or statement of either Party, its employees, agents or sub-contractors and in respect of which liability arises from the defaulting Party to the other.

**Trẻ em phụ thuộc** có nghĩa là con đẻ, con riêng và con nuôi hợp pháp của Chủ thẻ:

Dependent Children means the children, step-children and legally adopted children of the Cardholder who are:

- i) Sống cùng với Chủ thẻ đó hoặc sống ở nơi khác trong khi đang học toàn thời gian, và;  
living with such Cardholder or living elsewhere whilst in full time education, and;
- ii) Dưới 24 tuổi  
under 24 years of age



**Cắt cụt chi** có nghĩa là mất ít nhất một chi, bao gồm cả việc mất khả năng sử dụng chi hoặc mất mắt bao gồm mất thị lực toàn bộ và không thể phục hồi xảy ra trong vòng 12 tháng kể từ ngày xảy ra tai nạn.

Dismemberment means the loss of a limb including loss of use of limb or loss of eye(s) including total and irrecoverable loss of sight occurring within 12 months of the date of the Accident.

**Hãng/Đơn vị vận tải công cộng nội địa** có nghĩa là bất kỳ phương tiện giao thông công cộng nội địa nào bằng đường bộ, đường sắt, đường biển hoặc đường hàng không với hãng vận chuyển được cấp phép hoạt động thường xuyên và/hoặc dịch vụ vận tải hành khách.

Domestic Common Carrier shall mean any domestic public transport by road, rail, sea or air with a licensed carrier operating a regular and/or charter passenger service.

**Ngày hiệu lực** nghĩa là Ngày bắt đầu phát hành/gia hạn/tái tục của thẻ

Effective Date means the date of card issue/renew/renewals

**Ngày hết hạn** có nghĩa là 12 tháng kể từ ngày hiệu lực

Expiry Date means 12 months since the effective date

**Gia đình** có nghĩa là vợ/chồng và con phụ thuộc của Chủ thẻ.

Family shall mean the Spouse and Dependent Children of the Cardholder.

**Loại trừ chung** có nghĩa là các loại trừ được liệt kê trong Mục 13 của Giấy chứng nhận này

General Exclusions means the exclusions listed in Section 13 of this Certificate

**Không tắc** có nghĩa là thu giữ bất hợp pháp hoặc thực hiện sai sự kiểm soát của một chiếc máy bay hoặc hành trình hoặc thủy thủ đoàn.

Hi-jack means unlawful seizure or wrongful exercise of control of an aircraft or conveyance, or the crew thereof.

**Bệnh tật** có nghĩa là bất kỳ sự suy giảm sức khỏe đột ngột và bất ngờ nào được chứng nhận bởi cơ quan y tế có thẩm quyền và được một bác sĩ ISOS đồng ý.

Illness shall mean any sudden and unexpected deterioration of health certified by a competent medical authority and agreed by an International SOS Physician.

**Bác sĩ ISOS** có nghĩa là các bác sĩ được chỉ định bởi các trung tâm hỗ trợ ISOS trên toàn thế giới.

International SOS Physician shall mean the physicians nominated by the International SOS assistance centres throughout the world.



**Đồ trang sức và vật có giá trị** có nghĩa là các vật phẩm gồm vàng, bạc hoặc các kim loại quý khác hoặc đá bán quý, lông thú, đồ cổ, các tác phẩm nghệ thuật và thiết bị chụp ảnh.

Jewellery and Valuables shall mean items composed of gold, silver or other precious metals or semi-precious stones, furs, curios, works of fine art and photographic equipment only.

**Hành trình** có nghĩa là 90 ngày đầu tiên của bất kỳ chuyến đi nào rơi hoàn toàn trong Thời hạn bảo hiểm (số chuyến đi không giới hạn trong thời hạn bảo hiểm) trong đó, ít nhất 50% tổng giá trị vé đi lại của người được bảo hiểm bằng Hãng vận chuyển công cộng nội địa hoặc Hãng vận chuyển công cộng phải được thanh toán qua thẻ Vietcombank được bảo hiểm. Hành trình bắt đầu khi Chủ thẻ khởi hành từ nhà là nơi thường trú hoặc nơi làm việc thường xuyên của Chủ thẻ và sẽ kết thúc khi về nơi đó. Bất kỳ Hành trình nào trong Quốc gia cư trú chính chỉ được bảo hiểm nếu Chủ thẻ đi một khoảng cách ít nhất 100 km từ nhà hoặc nơi làm việc của họ.

Journey shall mean the first 90 days of any trip falling entirely within the Period of Insurance (unlimited number of journeys during the Period of Insurance) where at least 50% of the total value of tickets for travel on a Domestic Common Carrier or Common Carrier have been paid by using the Cardholder's Vietcombank insured by the Client. The Journey shall be deemed to have begun with the Cardholder's departure from the home where such Cardholder normally resides or place of work and shall have ended upon return to that home or place of work. Any Journey solely within the Principal Country of Residence is covered only if the Cardholder travels over a distance of at least 100 km from their home or place of work.

**Giới hạn bồi thường** là số tiền bồi thường tối đa cho bên thứ ba mà Nhà bảo hiểm chịu trách nhiệm theo Giấy chứng nhận này đối với bất kỳ Chủ thẻ nào trong bất kỳ sự kiện nào, tuân theo các điều khoản và điều kiện như được định nghĩa dưới đây.

Limit of Indemnity refers to the maximum amount of third party expenses for which the Underwriters shall be responsible under this Certificate towards any Cardholder during any event, subject to the terms and conditions as defined hereunder.

**Chi phí y tế** có nghĩa là tất cả các chi phí hợp lý cần thiết phát sinh cho bệnh viện, phẫu thuật, chẩn đoán hoặc điều trị khác được cung cấp hoặc chỉ định bởi một chuyên gia y tế.

Medical expenses shall mean all reasonable costs necessary incurred during the journey for hospital, surgical or other remedial treatment given or prescribed by an qualified medical practitioner



**Tiền** có nghĩa là tiền xu, tiền giấy, phiếu tiền và tiền do bưu điện phát hành, séc có chữ ký của hành khách, thư tín dụng, vé du lịch, thẻ tín dụng, phiếu giảm giá xăng dầu và các phiếu giảm giá khác.

Money shall mean coins, bank notes, postal and money orders, signed travellers and other cheques, letters of credit, travel tickets, credit cards, petrol coupons and other coupons.

**Bên** có nghĩa là một bên tham gia hợp đồng bảo hiểm này.

Party means a party to this contract of insurance

**Thương tật toàn bộ vĩnh viễn** có nghĩa là thương tật có sự xác nhận của bằng chứng y khoa, ngăn cản Chủ thẻ tham gia vào bất kỳ nghề nghiệp nào trong ít nhất mười hai tháng và sẽ hoàn toàn hạn chế Chủ thẻ tham gia vào bất kỳ nghề nghiệp nào trong phần còn lại của cuộc đời.

Permanent Total Disablement shall mean disablement which medical evidence confirms, which has prevented the Cardholder from engaging in any gainful occupation for at least twelve months and will in all probability entirely prevent the Cardholder from engaging in any gainful occupation whatsoever for the remainder of his/her life.

**Thời hạn bảo hiểm** là khoảng thời gian từ Ngày có hiệu lực đến Ngày hết hạn.

Period of Insurance shall be the period between the Effective Date and the Expiry Date.

**Tồn tại từ trước** có nghĩa là bất kỳ bệnh tật, khuyết tật, hoặc tình trạng nào, bao gồm di chứng hoặc biến chứng mà theo ý kiến của một chuyên viên y tế do ISOS chỉ định có thể liên quan hợp lý đến tình trạng mà Chủ thẻ đang nhận hoặc đã được điều trị, tư vấn y tế hoặc điều tra trước Hành trình.

Pre-existing means any illness, defect, physical infirmity or condition, including sequelae or complications thereof that in the opinion of a medical practitioner appointed by International SOS can reasonably be related thereto, for which the Cardholder is receiving or has received medical treatment, advice or investigation prior to the Journey.

**Quốc gia cư trú chính** có nghĩa là quốc gia nơi Chủ thẻ cư trú chính. Gia đình ruột thịt của Chủ thẻ sẽ mang quốc tịch của Chủ thẻ cho mục đích của Giấy chứng nhận bảo hiểm này. Trong trường hợp có quốc tịch kép, Chủ thẻ thừa nhận quốc tịch của Quốc gia cư trú chính của họ cho các mục đích và trong thời hạn của Giấy chứng nhận bảo hiểm này.

Principal Country of Residence shall mean that country in which the Cardholders has his/her principal place of residence. Immediate Family assumes the nationality of the Cardholder for the purposes of this insurance. In the event of dual nationality, the Cardholder assumes the nationality of their Principal Country of Residence for the purposes and for the duration of this insurance.



**Chuyên viên Y khoa** có nghĩa là bác sĩ hoặc chuyên gia đã đăng ký hoặc được cấp giấy phép hành nghề y hoặc nha khoa theo luật của quốc gia họ thực hành và không phải là Chủ thẻ, thành viên của gia đình

Qualified Medical Practitioner shall mean a doctor or specialist who is registered or licensed to practice medicine or dentistry under the laws of the country in which they practice and who is not the Cardholder, a member of his/her Family

**Tình trạng y tế nghiêm trọng** có nghĩa là điều kiện, theo ý kiến của Bác sĩ ISOS cần điều trị y tế khẩn cấp để tránh tử vong hoặc tác động nghiêm trọng đến sức khỏe của Chủ thẻ. Trong việc xác định xem tình trạng như vậy có tồn tại hay không, Bác sĩ ISOS có thể xem xét khu vực địa lý của Chủ thẻ, bản chất của trường hợp cấp cứu y khoa và sự sẵn có của các dịch vụ hoặc cơ sở chăm sóc y tế phù hợp tại địa phương.

Serious Medical Condition shall mean a condition, which in the opinion of an International SOS Physician requires emergency medical treatment to avoid death or serious impairment to the Cardholder's health. In determining whether such a condition exists, the International SOS Physician may consider the Cardholder's geographical location, the nature of the medical emergency and the local availability of appropriate medical care or facilities.

**Các dịch vụ** đề cập tới hỗ trợ 24 giờ và các dịch vụ khẩn cấp liên quan khác được ISOS cung cấp như được mô tả trong mục 6 của Giấy chứng nhận này.

Services refer to 24-hour assistance and other related emergency services to be provided by International SOS as described in section 6 of this Certificate.

**Vợ/chồng** có nghĩa là vợ/chồng hợp pháp của Chủ thẻ hoặc nếu Chủ thẻ chưa kết hôn, người vợ/chồng chưa cưới của Chủ thẻ phải có thời gian sống cùng Chủ thẻ tại cùng một địa chỉ trong một khoảng thời gian liên tục ít nhất là 1 năm trước ngày khởi hành của chuyến đi.

Spouse shall mean either the Cardholder's legal wife/husband or, if the Cardholder is not married, the Cardholder's common law partner who has cohabited with the Cardholder at the same address for a continuous period of at least 1 (one) year prior to the Journey.

**Nhà bảo hiểm** tức là Bảo hiểm PVI

Underwriters refer to PVI Insurance

### **MỤC 3/ Section 3: GIỚI HẠN ĐỊA LÝ/ GEOGRAPHICAL LIMITS**

Các Dịch vụ & Quyền lợi được mô tả trong Giấy chứng nhận này được cung cấp trên toàn thế giới.

The Services & Benefits described in this Certificate are provided on a worldwide basis.





#### MỤC 4/ Section 4: ĐỦ ĐIỀU KIỆN/ ELIGIBILITY

---

- 4.1 Chủ thẻ hội đủ điều kiện hưởng các Quyền lợi và/hoặc Dịch vụ phù hợp với các điều khoản và điều kiện của Giấy chứng nhận này hoặc bất kỳ tiêu chí đủ điều kiện khác được thỏa thuận trước bằng văn bản giữa khách hàng với Nhà bảo hiểm và/hoặc ISOS.

The Cardholder is eligible for the Benefits and/or Services in accordance with the terms and conditions of this Certificate or any other eligibility criteria set by the Client in writing with the prior agreement from Underwriters and/or International SOS.

- 4.2 Các Quyền lợi và Dịch vụ được cung cấp cho Chủ thẻ sẽ được dựa trên cơ sở Bao gồm bắt buộc.

The Benefits and Services provided to the Cardholders shall be on a Compulsory Inclusion basis.

#### MỤC 5/ Section 5: THỜI HẠN BẢO HIỂM /PERIOD OF INSURANCE

---

- 1.1 Giấy chứng nhận này sẽ bắt đầu vào Ngày hiệu lực và sẽ có hiệu lực trong thời hạn bảo hiểm  
This Certificate shall commence on the Effective Date and shall be in force until the Expiry Date.

- 1.2 Bất kỳ Bên nào có thể ngay lập tức chấm dứt Giấy chứng nhận này thông qua một thông báo bằng văn bản cho Bên kia trong trường hợp:

Any Party may immediately terminate this Certificate on written notice to the other Party in the event that:

- i) Bên kia vi phạm việc thực hiện hoặc tuân thủ bất kỳ giao ước hoặc điều khoản nào của Hợp đồng này và Bên kia không thực hiện được biện pháp khắc phục hoặc vi phạm trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản về vi phạm hoặc vi phạm đó; hoặc

the other Party shall be in Default of the performance or observance of any material covenants or provisions hereof and such Party shall have failed to remedy such default or breach within 30 days since receiving written notice of such default or breach; or

- ii) Bên kia thực hiện chuyển nhượng thông thường vì lợi ích của chủ nợ hoặc nghị quyết được thông qua hoặc một đơn khởi kiện được đưa ra chống lại Bên kia để



thanh lý, giải thể hoặc bỏ nhiệm người thanh lý, người nhận, người được ủy thác, người quản lý tư pháp hoặc chính thức tương tự của tất cả hoặc một phần đáng kể tài sản của bên đó hoặc nếu việc thực hiện hoặc bất kỳ hình thức hành động nào được thu nhận hoặc tiếp nhận đối với bất kỳ tài sản nào của bên đó.

the other Party shall make a general assignment for the benefit of creditors or a resolution is passed or a petition is presented against the other Party for liquidation, winding-up or dissolution or for the appointment of a liquidator, receiver, trustee, judicial manager or similar official of all or a substantial part of its assets or if execution or any form of action is levied or taken against any of its assets.

- 1.3 Trong trường hợp chấm dứt hoặc hết hạn Giấy chứng nhận này, cả hai Bên sẽ được miễn tất cả các trách nhiệm trong tương lai tại ngày chấm dứt hoặc hết hạn, tùy theo điều kiện nào được áp dụng.

In the event of termination or expiry of this Certificate, both Parties shall be relieved of all future liabilities as at the date of termination or expiry, whichever is applicable.

- 1.4 Tất cả Chủ thẻ đều được hưởng các Quyền lợi và Dịch vụ kể từ ngày phát hành/gia hạn/tái tục tài khoản thẻ của họ.

All Cardholders are entitled to the Benefits and Services from the date of issue/renew/renewals of their card account.

- 1.5 Quyền lợi và Dịch vụ sẽ tự động chấm dứt vào ngày Nhà bảo hiểm nhận được thông báo bằng văn bản về việc yêu cầu ngừng cung cấp bảo hiểm cho Chủ thẻ hoặc Thẻ hết hạn, tùy theo điều kiện nào đến trước.

The entitlement to Benefits and Services will cease automatically on the date Underwriters receive written notification of the deletion of the Cardholder or the termination of the Cardholder's Vietcombank card account, whichever comes first.

- 1.6 Điều kiện hợp lệ của Chủ thẻ đối với các Quyền lợi và Dịch vụ sẽ chấm dứt sớm nhất là:  
A Cardholder's eligibility for the Benefits and Services shall cease on the earliest of:

- i) Ngày Chủ thẻ không còn đủ điều kiện hưởng các Quyền lợi và Dịch vụ theo Giấy chứng nhận này; hoặc  
the date the Cardholder is no longer eligible for the Benefits and Services pursuant to this Certificate; or
- ii) Ngày chấm dứt hoặc Ngày hết hạn, tùy điều kiện nào xảy ra trước  
the Date of Termination or Expiry Date, whichever occurs first



- 1.7 VIETCOMBANK được miễn trách nhiệm hoàn toàn đối với mọi yêu cầu đòi bồi thường, khiếu nại, thắc mắc của chủ thẻ VIETCOMBANK liên quan đến Đơn bảo hiểm này. VIETCOMBANK is free of any claim inquiries, claim request or claim disputer of this insurance policy.

## **MỤC 6/ Section 6: DỊCH VỤ Y TẾ VÀ HỖ TRỢ DI CHUYỂN /MEDICAL AND TRAVEL ASSISTANCE SERVICES**

### 6.1 Dịch vụ hỗ trợ Assistance Services

ISOS sẽ cung cấp các dịch vụ hỗ trợ y tế và trợ giúp du lịch khác nhau. Các dịch vụ được cung cấp trực tiếp bởi ISOS được bao gồm theo các điều khoản của Giấy chứng nhận này. Các chi phí phát sinh trong trường hợp có một bên thứ ba, chẳng hạn như bác sĩ hoặc chuyển phát nhanh cung cấp các dịch vụ theo yêu cầu của Chủ thẻ sẽ được chi trả bởi Chủ thẻ, trừ khi các chi phí này được bao trả theo các điều khoản của chứng nhận này.

International SOS will provide various medical and travel assistance services. Those services provided directly by International SOS are covered under the terms of this Certificate. Where a third party, such as a physician or courier, is utilised the provision of such services upon Cardholder's request is at the expense of the cardholder, unless such costs are covered under the terms of this certificate.

### 6.2 Dịch vụ SOS quốc tế (viết tắt là ISOS)

International SOS Services (also referred as ISOS)

#### 6.2.1 Hỗ trợ qua điện thoại.

Telephone assistance

ISOS sẽ cung cấp dịch vụ tư vấn y tế cho Chủ thẻ qua điện thoại, bao gồm thông tin về các yêu cầu về chủng ngừa cho việc đi lại. ISOS cũng sẽ cung cấp thông tin về thị thực du lịch. Cần lưu ý rằng bất kỳ thông tin tư vấn nào đưa ra sẽ không tránh khỏi bị giới hạn bởi hoàn cảnh và ISOS không thể chịu trách nhiệm về các lỗi phát sinh.

If contacted, International SOS will provide medical advice to the Cardholder by telephone, including information on inoculation requirements for travel. International SOS will also provide information on travel visas. It must be noted that any such advice is inevitably limited by the circumstances and International SOS cannot be held liable for errors



## 6.2.2 Giới thiệu nhà cung cấp dịch vụ

### Service Provider referral

ISOS sẽ cung cấp theo yêu cầu của Chủ thẻ thông tin liên hệ của các nhà cung cấp dịch vụ y tế hoặc pháp lý, bao gồm bác sĩ, nha sĩ, luật sư, hành nghề pháp lý, phiên dịch, bệnh viện và những người hoặc tổ chức có liên quan khác. ISOS sẽ lựa chọn nhà cung cấp với sự cẩn trọng, tuy nhiên chỉ mang tính chất tham khảo và do đó sẽ miễn trừ trách nhiệm liên quan đến bất kỳ lời tư vấn nào và các hệ quả liên quan. Ngoài ra, trừ khi chi phí cung cấp dịch vụ thực tế của bên thứ ba được bao gồm trong phạm vi bồi thường của thỏa thuận này, Chủ thẻ phải thanh toán riêng các chi phí này.

If contacted, International SOS will provide to the Cardholder contact details for medical or legal service providers, including physicians, dentists, lawyers, legal practitioners, interpreters, hospitals and other relevant persons or institutions. In such cases, whilst International SOS exercises care and diligence in selecting the providers, does not provide the actual advice and is not responsible for the advice given or the outcome thereof. Further, unless the costs of the provision of the actual services by third parties are covered by this agreement, they must be borne separately by the Cardholder.

## 6.2.3 Giám sát y tế /Medical Monitoring

Trong trường hợp Chủ thẻ cần nhập viện, ISOS sẽ theo dõi tình trạng sức khỏe của Chủ thẻ trong và sau khi nhập viện cho đến khi Chủ thẻ lấy lại tình trạng sức khỏe bình thường, tuân theo mọi nghĩa vụ liên quan đến bảo mật và ủy quyền có liên quan.

In the event of a Cardholder requiring hospitalisation, International SOS will, if required, monitor the cardholder's medical condition during and after hospitalisation until the Cardholder regains a normal state of health, subject to any and all obligations in respect of confidentiality and relevant authorisation.

## 6.2.4 Hỗ trợ Chủ thẻ /Cardholder support

Nếu thẻ tín dụng của Chủ thẻ bị mất hoặc bị đánh cắp trong khi Chủ thẻ ở nước ngoài, ISOS sẽ tư vấn về số điện thoại liên lạc khẩn cấp cho nhà cung cấp thẻ.

If Cardholder's credit or charge cards are lost or stolen while Cardholder's are abroad, International SOS will advise of emergency contact numbers for card carriers.

## 6.2.5 Bảo lãnh thanh toán /Guarantee of Payment



Nếu được bảo hiểm theo các điều khoản của Giấy chứng nhận này, ISOS sẽ đảm bảo hoặc thanh toán bất kỳ khoản tiền tạm ứng nhập viện nào thay mặt cho Chủ thẻ.

If covered under the terms of this certificate, International SOS will guarantee or pay any required hospital admittance deposit on behalf of a Cardholder.

### 6.3 Dịch vụ của Bên thứ ba/ Third Party Services

6.3.1 Trong trường hợp khẩn cấp mà Chủ thẻ không thể được đánh giá đầy đủ qua điện thoại để có thể di tản hoặc Chủ thẻ không thể di chuyển và không có điều trị y tế địa phương, ISOS sẽ cử một chuyên viên y tế thích hợp đến chỗ của Chủ thẻ. ISOS sẽ không thanh toán cho các chi phí của các dịch vụ đó trừ khi được trả theo các điều khoản của giấy chứng nhận này.

In the event of an emergency where, either the Cardholder cannot be adequately assessed by telephone for possible evacuation, or the Cardholder cannot be moved and local medical treatment is unavailable, International SOS will, send an appropriate medical practitioner to the Cardholder. International SOS will not pay for the costs of such services unless covered under the terms of this certificate.

6.3.2 SOS quốc tế sẽ sắp xếp gửi thuốc, dược phẩm và vật tư y tế hoặc thiết bị y tế cần thiết cho việc chăm sóc và/hoặc điều trị Chủ thẻ nhưng không có sẵn tại địa điểm của Chủ thẻ. Việc cung cấp thuốc, dược phẩm và vật tư y tế đó sẽ tuân theo luật pháp và quy định được áp dụng tại địa phương. ISOS sẽ không thanh toán các chi phí của thuốc, dược phẩm hoặc vật tư y tế đó và bất kỳ chi phí giao hàng nào trừ khi được bao trả theo các điều khoản của Giấy chứng nhận này.

International SOS will arrange to have delivered to the Cardholder essential medicine, drugs, medical supplies or medical equipment that are necessary for a Cardholder's care and/or treatment but which are not available at the Cardholder's location. The delivery of such medicine, drugs and medical supplies will be subject to the laws and regulations applicable locally. International SOS will not pay for the costs of such medicine, drugs or medical supplies and any delivery costs thereof unless covered under the terms of this certificate.

### 6.4 Các dịch vụ Hỗ trợ Y tế và Di chuyển khẩn cấp luôn có sẵn 24/24 từ ISOS.

Emergency Medical and Travel assistance services are available 24 hours a day from International SOS.



6.5. Trong trường hợp Chủ thẻ yêu cầu các dịch vụ này, vui lòng gọi (84-28) 38 275 328.

In case the Cardholder requests these services, please call (84-28) 38 275 328.

## **MỤC 7/Section 7: BẢO HIỂM TAI NẠN CÁ NHÂN/PERSONAL ACCIDENT COVER**

### 7.1 Đơn vị vận tải công cộng/ Common Carrier

7.1.1 Nếu trong Hành trình (mà Chủ thẻ đã thanh toán bằng thẻ được bảo hiểm tối thiểu 50% tổng chi phí sử dụng phương tiện vận chuyển công cộng cho hành trình du lịch) Chủ thẻ đã bị thương tích cơ thể từ trước và đang trong thời gian phẫu thuật dưới đây và độc lập với bất kỳ nguyên nhân nào khác gây ra Thương tích cơ thể dẫn đến tử vong, mất thị lực toàn bộ và không thể thu hồi trong một hoặc cả hai mắt hoặc mất chi hoặc Thương tật toàn bộ vĩnh viễn cho Chủ thẻ trong vòng 12 (mười hai) tháng kể từ ngày xảy ra tai nạn, Đơn vị Bảo hiểm sẽ thanh toán cho Chủ thẻ, hoặc người đó theo lựa chọn của đại diện pháp lý cá nhân của Chủ thẻ, tổng số tiền được nêu chi tiết tại Mục 12 của Giấy chứng nhận này.

If during a Journey (that the Cardholder has paid with the card at least 50% of the total cost of using public transport for the travel itinerary) a Cardholder sustains Bodily Injury during the operative time below and independently of any other cause such Bodily Injury results in the death, total and irrecoverable loss of sight in one or both eyes or Loss of Limb or Permanent Total Disablement of the Cardholder within 12 (twelve) months of the date of the Accident the Insurers will pay to the Cardholder, or such person as may be selected by the Cardholder's legal personal representative(s), the sum detailed in Section 10 of this Certificate.

7.1.2 Đối với phạm vi bảo hiểm được quy định theo Mục 7.1.1 Hành trình sẽ được coi là đã bắt đầu khi Chủ thẻ đi vào sân bay, cảng biển, đường sắt hoặc ga đường cho mục đích mà Thẻ đã được sử dụng trước để mua vé và kết thúc khi rời khỏi Hãng vận tải công cộng đó.

In respect of the cover provided under Section 7.1.1 the Journey shall be deemed to have begun when the Cardholder enters an airport, seaport, railway or road station for the purpose of boarding common carrier for which the Card has been used in advance to purchase a ticket and ends upon disembarkation from such Common Carrier.

### Loại trừ cụ thể áp dụng cho Mục 7 /Specific Exclusions Applying To Section 7



7.2 Ngoài các Loại trừ chung, các điều khoản, mục, điều kiện, hoạt động và chi phí liên quan sau đây bị loại trừ khỏi phạm vi bảo hiểm của mục này:

In addition to the General Exclusions, the following treatment, items, conditions, activities and their related or consequential expenses are excluded from the cover provided by this section:

- i) Có trên một yêu cầu bồi thường theo Mục 8 liên quan đến cùng một Tai nạn;  
More than one claim under this Section 8 in connection with the same Accident;
- ii) Điều trị y tế hoặc phẫu thuật, ngoại trừ việc điều trị đó là cần thiết cho Thương tích cơ thể; và  
Medical or surgical treatment except where Bodily Injury renders such treatment as necessary; and
- iii) Thương tích cơ thể xảy ra ngoài thời gian Chủ thẻ đang trên Hành trình;  
Bodily Injury sustained other than whilst the Cardholder is on a Journey;

## **MỤC 08/ Section 08: HÀNH LÝ/ BAGGAGE**

### Mất hành lý Loss of Baggage

8.1 Trường hợp Chủ thẻ bị thất lạc hoặc thiệt hại hành lý trong hành trình, Bên bảo hiểm sẽ bồi thường cho Chủ thẻ về việc mất mát hoặc thiệt hại đó trong hạn mức được nêu trong Mục 11 của Giấy chứng nhận này.

If, whilst on a Journey, a Cardholder sustains loss or damage to Baggage, the Underwriters will indemnify the Cardholder in respect of such loss or damage up to the limits shown in Section 11 of this Certificate.

8.2 Để được Đơn vị bảo hiểm bồi thường, Chủ thẻ phải cung cấp mô tả chi tiết về tài sản cùng với ngày mua và giá trị. Hóa đơn hoặc bằng chứng khác là bắt buộc. Tài sản bị mất mát hoặc thiệt hại được định giá dựa trên giá trị hao mòn tại thời điểm thiệt hại.

In order to be reimbursed by the Underwriters, the Cardholder must provide a detailed description of the property along with its date of purchase and value. Bills, invoices or other proof are required. Stolen or damaged property will be valued allowing for wear and tear at the time of the loss.

### Loại trừ cụ thể áp dụng cho Mục 8/ Specific Exclusions Applying To Section 08

8.3 Ngoài các Loại trừ chung, các điều khoản, mục, điều kiện, hoạt động và chi phí liên quan hoặc hậu quả của chúng sau đây được loại trừ khỏi phạm vi bảo hiểm vì mất hành lý:



In addition to the General Exclusions, the following treatment, items, conditions, activities and their related or consequential expenses are excluded from the cover for Loss of Baggage and/or Money:

- i) Trên 23.300.000 VNĐ (thẻ tín dụng Vietcombank CashPlus Platinum American Express và thẻ tín dụng Vietcombank Vietnam Airlines American Express Platinum , Thẻ tín dụng Vietcombank Visa Infinite) hoặc 10.500.000 VNĐ (với Thẻ tín dụng Vietcombank Mastercard World, Thẻ tín dụng Vietcombank Visa Signature, Thẻ tín dụng Vietcombank American Express Corporate, Thẻ tín dụng Vietcombank Visa Corporate, Thẻ tín dụng Vietcombank Visa Platinum, Thẻ ghi nợ Vietcombank Visa Platinum, Thẻ tín dụng Vietcombank Vibe Platinum, Thẻ tín dụng Vietcombank JCB Platinum) hoặc 7.000.000 VNĐ ( với Thẻ tín dụng Vietcombank Amex hạng xanh, Thẻ tín dụng Vietcombank Amex hạng vàng) đối với bất kỳ vật dụng nào thì chủ thẻ chỉ được bồi thường mức tối đa theo quy định tại Hợp đồng này;

More than 23,300,000 VNĐ (with Vietcombank CashPlus Platinum American Express credit card and Vietcombank Vietnam Airlines American Express Platinum credit card, Vietcombank Visa Infinite credit card) or 10,500,000 VNĐ (with Vietcombank Mastercard World credit card, Vietcombank Visa Signature credit card, Vietcombank American Express Corporate credit card, Vietcombank Visa Corporate credit card, Vietcombank Visa Platinum credit card, Vietcombank Visa Platinum debit card, Vietcombank Vibe Platinum credit card, Vietcombank JCB Platinum credit card) or 7,000,000 VND (with Vietcombank Green Amex credit card, Vietcombank Gold Amex credit card) in respect of any one article then the cardholder is only entitled to the maximum compensation under this Contract;

- ii) Trên 6.990.000 VNĐ (thẻ tín dụng Vietcombank CashPlus Platinum American Express và thẻ tín dụng Vietcombank Vietnam Airlines American Express Platinum , Thẻ tín dụng Vietcombank Visa Infinite) hoặc 3.145.500 VNĐ (với Thẻ tín dụng Vietcombank Mastercard World, Thẻ tín dụng Vietcombank Visa Signature, Thẻ tín dụng Vietcombank American Express Corporate, Thẻ tín dụng Vietcombank Visa Corporate, Thẻ tín dụng Vietcombank Visa Platinum, Thẻ ghi nợ Vietcombank Visa Platinum, Thẻ tín dụng Vietcombank Vibe Platinum, Thẻ tín dụng Vietcombank JCB Platinum) hoặc 1.864.000 VNĐ (với thẻ tín dụng Vietcombank Amex hạng xanh, thẻ tín dụng Vietcombank Amex hạng vàng) đối





với Trang sức và Vật có giá trị thì chủ thẻ chỉ được bồi thường mức tối đa là 6.990.000 VNĐ (thẻ tín dụng Vietcombank CashPlus Platinum American Express và thẻ tín dụng Vietcombank Vietnam Airlines American Express Platinum , Thẻ tín dụng Vietcombank Visa Infinite) hoặc 3.145.500 VNĐ (với Thẻ tín dụng Vietcombank Mastercard World, Thẻ tín dụng Vietcombank Visa Signature, Thẻ tín dụng Vietcombank American Express Corporate, Thẻ tín dụng Vietcombank Visa Corporate, Thẻ tín dụng Vietcombank Visa Platinum, Thẻ ghi nợ Vietcombank Visa Platinum, Thẻ tín dụng Vietcombank Vibe Platinum, Thẻ tín dụng Vietcombank JCB Platinum); hoặc 1.864.000 VNĐ (với thẻ tín dụng Vietcombank Amex hạng xanh, thẻ tín dụng Vietcombank Amex hạng vàng)

More than 6,990,000 VNĐ (with Vietcombank CashPlus Platinum American Express credit card and Vietcombank Vietnam Airlines American Express Platinum credit card, Vietcombank Visa Infinite credit card) or 3,145,500 VNĐ (with Vietcombank Mastercard World credit card, Vietcombank Visa Signature credit card, Vietcombank American Express Corporate credit card, Vietcombank Visa Corporate credit card, Vietcombank Visa Platinum credit card, Vietcombank Visa Platinum debit card, Vietcombank Vibe Platinum credit card, Vietcombank JCB Platinum credit card) or 1.864.000 VND (with Vietcombank Amex Green credit card and Vietcombank Amex Gold credit card) in respect of Jewellery and Valuables in total then the cardholder is only entitled to the maximum compensation under 6,990,000 VNĐ (with Vietcombank CashPlus Platinum American Express credit card and Vietcombank Vietnam Airlines American Express Platinum credit card, Vietcombank Visa Infinite credit card) or 3,145,500 VNĐ (with Vietcombank Mastercard World credit card, Vietcombank Visa Signature credit card, Vietcombank American Express Corporate credit card, Vietcombank Visa Corporate credit card, Vietcombank Visa Platinum credit card, Vietcombank Visa Platinum debit card, Vietcombank Vibe Platinum credit card, Vietcombank JCB Platinum credit card); or 1.864.000 VND (with Vietcombank Amex Green credit card and Vietcombank Amex Gold credit card)

iii) Yêu cầu bồi thường liên quan đến các phụ tùng cho xe hoặc tàu.

Claims in respect of accessories for vehicles or boats.

iv) Tổn thất hoặc hư hỏng do:

Loss or damage due to



- a) bướm đêm, sâu bọ, hao mòn, điều kiện khí quyển hoặc khí hậu, hao mòn theo thời gian;  
moths, vermin, wear and tear, atmospheric or climatic condition or gradual deterioration;
  - b) hỏng điện hoặc cơ học;  
mechanical or electrical failure;
  - c) bất kỳ quá trình làm sạch, sửa chữa, khôi phục hoặc thay đổi nào;  
any process of cleaning, repairing, restoring or alteration;
- v) Cao hơn một tỷ lệ hợp lý của tổng giá trị của tập hợp nơi vật dụng bị mất hoặc bị hư hỏng là một phần của một cặp hoặc một bộ;  
More than a reasonable proportion of the total value of the set where the lost or damaged article is part of a pair or set;
- vi) Tồn thất không được tường trình cho cảnh sát, hãng hàng không, hãng tàu hoặc đại lý xử lý của họ trong vòng 24 giờ sau khi phát hiện và báo cáo bằng văn bản;  
Loss not reported to either the police, airline, shipping line or their handling agent within 24 hours of discovery and a written report obtained;
- vii) Tồn thất do tịch thu hoặc giam giữ bởi hải quan hoặc bất kỳ cơ quan nào khác;  
Loss due to confiscation or detention by customs or any other authority;
- viii) Tồn thất do phương tiện không được giám sát hoặc bảo đảm bằng cách khóa; Hành lý bỏ lại trong phương tiện vào buổi tối, ngay cả khi được bảo vệ bằng báo động;  
Losses from unattended vehicles unless secured in a locked boot;  
Baggage left in a vehicle during the hours of darkness, even if protected by an alarm;
- ix) Phá vỡ thiết bị thể thao khi sử dụng hoặc mất mát hoặc hư hỏng xe đạp hoặc thiết bị được thuê;  
Breakage of sports equipment in use or loss of or damage to bicycles or hired equipment;
- x) Tồn thất hoặc hư hỏng kính áp tròng, giác mạc hoặc vi giác mạc;  
Loss of or damage to contact, corneal or micro-corneal lenses;
- xi) 1.165.000 VNĐ (50 USD) đầu tiên của mỗi và mọi yêu cầu bồi thường;  
The first USD 50 (VND 1,165,000) of each and every claim;
- xii) Mất hàng hóa cá nhân do Chủ thẻ mượn, thuê hoặc cho thuê



Loss of personal goods borrowed, hired or rented by the Cardholder;

## **MỤC 9/Section 9: HỦY CHUYẾN/ CANCELLATION**

9.1 Nếu Chủ thẻ phải gánh chịu chi phí là hệ quả trực tiếp và cần thiết của việc hủy bỏ, cắt giảm hoặc sắp xếp lại bất kỳ phần nào của kế hoạch ban đầu cho Hành trình của Chủ thẻ do hậu quả trực tiếp của:

If, a Cardholder incurs expenses as the direct and necessary result of the cancellation, curtailment or re-arrangement of any part of the original plan for the Cardholder's Journey as the direct consequence of:

- i) Chủ thẻ bị thương tích cơ thể hoặc bị bệnh;  
The Cardholder sustaining Bodily Injury or suffering Illness;
- ii) Tử vong, chấn thương cơ thể hoặc bệnh tật của Người thân của Chủ thẻ;  
The death, Bodily Injury or Illness of the Cardholder's Relative;
- iii) Dịch vụ kiểm dịch bắt buộc, dịch vụ bồi thẩm đoàn, trát đòi hầu tòa hoặc sự cố cướp máy bay liên quan đến Chủ thẻ; hoặc  
Compulsory quarantine, jury service, subpoena or hijacking involving the Cardholder; or
- iv) Hủy bỏ hoặc cắt giảm các dịch vụ giao thông công cộng theo lịch trình do đình công, bạo loạn hoặc bạo động dân sự, hư hỏng về cơ khí hoặc điều kiện thời tiết bất lợi, thì Nhà bảo hiểm sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Chủ thẻ về phần chi phí đi lại và chỗ ở trả trước chưa được sử dụng như được bao gồm trong Hành trình theo các giới hạn được trình bày trong Mục 11 của Giấy chứng nhận này.  
cancellation or curtailment of scheduled public transport services consequent upon strike, riot or civil commotion, mechanical breakdown or adverse weather conditions, then the Underwriters will be responsible for indemnifying the Cardholder for the unused portion of prepaid travel and accommodation expenses as included in the Journey as per the limits shown in Section 11 of this Certificate.

### Loại trừ cụ thể áp dụng cho Mục 9/ Specific Exclusions Applying To Section 9

9.2 Ngoài các Loại trừ chung, các điều khoản, mục, điều kiện, hoạt động và chi phí liên quan sau đây được loại trừ khỏi phạm vi bảo hiểm vì hủy bỏ:

In addition to the General Exclusions, the following treatment, items, conditions, activities and their related or consequential expenses are excluded from the cover for cancellation:



- i) Các chi phí phải thanh toán vốn dĩ sẽ không phát sinh nếu có sự can thiệp của ISOS.

Costs, which would have still been payable if the event giving rise to the intervention of International SOS, had not occurred;

- ii) Các trường hợp mắc bệnh hoặc thương tích cơ thể không nghiêm trọng, theo ý kiến của bác sĩ ISOS có thể được điều trị đầy đủ tại địa phương và không ngăn cản Chủ thẻ tiếp tục chuyến đi hoặc công việc của họ;

Cases of minor Illness or Bodily Injury, which in the opinion of the International SOS Physician can be adequately treated locally, and which do not prevent the Cardholder from continuing their travels or work;

- iii) Các chi phí phát sinh trong trường hợp Chủ thẻ có đủ thể chất để quay về lại Quốc gia cư trú chính của mình như một hành khách bình thường và không có người hộ tống y tế theo ý kiến của Bác sĩ ISOS; và

Expenses incurred where the Cardholder in the opinion of the International SOS Physician is physically able to return to his/her Principal Country of Residence travelling as a normal passenger and without medical escort; and

- iv) Tử vong hoặc bệnh tật của bất kỳ vật nuôi hoặc động vật.

Death or illness of any pet or animal.

- 9.3 Phạm vi bảo hiểm này được áp dụng khi Chủ thẻ quyết định từ bỏ Hành trình do bị trễ chuyến bay quá 24 giờ trước khi rời khỏi Quốc gia cư trú chính, hoặc Chủ thẻ có xác nhận từ hãng hàng không bằng văn bản rằng chuyến bay bị hủy hoặc trì hoãn vượt quá 24 giờ theo lịch khởi hành ban đầu.

Cover is provided for Cardholders who decide to abandon their Journey before they leave their Principal Country of Residence after a delay of more than 24 hours, or if the airline confirms in writing that the flight is cancelled or delayed by more than 24 hours from its original departure time.

Phạm vi hủy chuyến bao gồm chi phí của toàn bộ hành trình bay và bất kỳ chi phí ăn uống/chỗ ở liên quan nào theo các giới hạn được trình bày trong Mục 11 của Giấy chứng nhận này.

Abandonment cover includes the cost of the flights and any associated accommodation expenses as per the limits shown in Section 11 of this Certificate.

Không có bảo hiểm nào cho các chi phí mà Chủ thẻ có thể yêu cầu bồi hoàn từ hãng hàng không hoặc nguồn khác của họ.



No cover exists for costs which Cardholders are able to reclaim from their airline or other source.

Trong mọi trường hợp, Chủ thẻ phải cung cấp bằng chứng về các chuyến bay bị hủy hoặc hoãn. Nếu một chuyến bay bị hủy, hầu hết các hãng hàng không sẽ cung cấp một khoản hoàn lại đầy đủ hoặc một chuyến bay thay thế.

In all situations Cardholders shall be required to provide evidence of cancelled or delayed flights. If a flight is cancelled, most airlines will offer either a full refund or an alternative flight.

## **MỤC 10/Section 10: SỰ CỐ /INCONVENIENCE**

---

### **Trì hoãn chuyến bay/ Travel Delay**

Trong trường hợp: In the event of

- Tổ chức đình công;  
industrial action;
- điều kiện thời tiết bất lợi  
adverse weather conditions
- sự cố hoặc hư hỏng về cơ khí của máy bay hoặc tàu biển của Chủ thẻ; hoặc  
mechanical breakdown or derangement of the Cardholder's aircraft or sea vessel; or
- Việc hạ cánh của máy bay mà Chủ thẻ tham gia do lỗi cơ học hoặc cấu trúc;
- dẫn đến chuyến bay hoặc chuyến tàu khởi hành chậm trễ tối thiểu từ 4 giờ trở lên trên hành trình đi hoặc về so với lịch trình ban đầu của hãng vận chuyển được cung cấp cho Chủ thẻ;

the grounding of the aircraft on which the Cardholder is due to travel as a result of mechanical or structural defect which results in the delayed departure of the Cardholder's flight or sailing for at least 4 hours on the outward or return Journey from the time shown in the carrier's travel itinerary as supplied to the Cardholder;

Nhà bảo hiểm phải sắp xếp thanh toán cho Chủ thẻ.

The Underwriters will arrange a payment to the Cardholder.

- 10.1 Nếu chuyến đi theo lịch trình của Hãng/đơn vị vận tải công cộng của Chủ thẻ bị trì hoãn hơn 4 (bốn) giờ kể từ thời gian được ghi trên vé cung cấp cho Chủ thẻ. Hạn mức thanh toán tối đa cho Chủ thẻ trên mỗi giờ trì hoãn và tối đa là 12 giờ được quy định tại Mục 11 của Giấy chứng nhận này.



If the scheduled departure of a Common Carrier used by the Cardholder for the Journey is delayed for more than 4 (four) hours from the time shown in the Common Carrier's travel itinerary as supplied to the Cardholder, the Underwriters will provide compensation to the Cardholder up to the limits as shown in Section 11 of this Certificate, per hour's delay, up to a maximum of 12 (twelve) hours.

- 10.2 Xác nhận bằng văn bản của Hãng/đơn vị vận tải công cộng nêu rõ khoảng thời gian trì hoãn thực tế. Thời gian trì hoãn được tính từ thời gian khởi hành dự kiến của chuyến bay hoặc chuyến đi tàu/ chuyến xe được thể hiện trong hành trình ban đầu.

Written confirmation of such delay must be obtained from the Common Carrier stating the actual period of the delay. The delay period shall be calculated from the scheduled departure time of the flight or sailing shown in the itinerary.

- 10.3 Chủ thẻ phải hoàn tất thủ tục check-in dưới sự kiểm tra của Hãng/đơn vị vận tải công cộng. The Cardholder must check-in at the required time according to the itinerary conditions given to him/her by the tour operator or Common Carrier.

#### Hành lý đến chậm Baggage Delay

- 10.4 Trong trường hợp Hành lý của Chủ thẻ tạm thời bị mất hoặc thất lạc trong một chặng của Hành trình của hãng hàng không, hãng vận chuyển hoặc đại lý xử lý của họ, Nhà bảo hiểm phải bồi thường cho Chủ thẻ theo các giới hạn như được nêu ở Mục 11 của Giấy chứng nhận này mỗi giờ chậm trễ, tối đa là 12 giờ. Văn bản xác nhận sự chậm trễ đó phải được cung cấp bởi hãng hàng không, hãng tàu hoặc đại lý xử lý liên quan và ghi rõ thời gian trì hoãn thực tế.

In the event of a Cardholder's Baggage being temporarily lost or misplaced on an outward part of a Journey by the airline, shipping line or their handling agents, the Underwriters will reimburse the Cardholder up to the limits as shown in Section 11 of this Certificate per hour's delay, to a maximum of 12 hours. Written confirmation of such delay must be obtained from the airline, shipping line or their handling agents stating the actual period of the delay.

#### Loại trừ cụ thể áp dụng cho Mục 10/ Specific Exclusions Applying To Section 10

- 10.5 Ngoài các Loại trừ chung, các điều khoản, mục, điều kiện, hoạt động và chi phí liên quan hoặc hậu quả của chúng sau đây được loại trừ khỏi phạm vi bảo hiểm vì sự bất tiện

In addition to the General Exclusions, the following treatment, items, conditions, activities and their related or consequential expenses are excluded from the cover for inconvenience Benefits:



- i) Thanh toán liên quan đến 4 giờ chậm trễ đầu tiên;  
Payment in respect of the first 4 hours of delay;
- ii) Trì hoãn do Chủ thẻ không cung cấp tài liệu chính xác cần thiết;  
Delay resulting from the failure of the Cardholder to provide the necessary correct documentation;
- iii) Trì hoãn phát sinh do Chủ thẻ không sắp xếp thời gian hợp lý để đến được điểm khởi hành trong các tình huống đã nhận biết tại thời điểm đó;  
Delay resulting from the failure of the Cardholder to allow reasonable time to reach the point of departure given the circumstances known at the time;
- iv) Trì hoãn phát sinh do việc đình chỉ hoặc hủy bỏ dịch vụ của Chính phủ;  
Delay arising as a result of any official Government suspension or cancellation of a service;
- v) Chủ động tham gia vào chiến tranh (dù được tuyên bố hay không), xâm lược, hành động của kẻ thù nước ngoài, thù địch, nội chiến, nổi loạn, bạo loạn, cách mạng hay nổi dậy;  
Active participation in war (whether declared or not), invasion, act of foreign enemy, hostilities, civil war, rebellion, riot, revolution or insurrections;
- vi) Đối với trường hợp hành lý chậm trễ hoặc mất tài liệu, mất mát, mất mát tạm thời/thất lạc không được tường trình cho cảnh sát, hãng hàng không, hãng tàu hoặc đại lý xử lý của họ trong vòng 24 giờ sau khi phát hiện và báo cáo bằng văn bản;  
In respect of Baggage delay or loss of documents, loss, temporary loss/misplacement not reported to either the police, airline, shipping line or their handling agent within 24 hours of discovery and a written report obtained;

**MỤC 11/ Section 11: TÓM TẮT CÁC QUYỀN LỢI, GIỚI HẠN BỒI THƯỜNG /**  
SUMMARY OF BENEFITS, LIMITS OF INDEMNITY

| Mục<br>Section | Quyền lợi<br>Benefit         | Giới hạn quyền lợi cho mỗi Chủ thẻ trong mỗi trường hợp bằng VNĐ<br>Benefit Limit per Cardholder per event in VND |
|----------------|------------------------------|---|
| 1              | Dịch vụ hỗ trợ y tế & đi lại | Được bao gồm<br>included  |



|   |                                      |  |
|---|--------------------------------------|--|
|   | Medical & Travel Assistance Services |  |
| 2 | Tai nạn cá nhân<br>Personal Accident | <p>Đối với Chủ thẻ và vợ/chồng và con phụ thuộc dưới 24 tuổi của chủ thẻ</p> <p>For Cardholder and Spouse and his/her spouse and dependent children under 24 years old:</p> <p>- Thẻ tín dụng Vietcombank CashPlus Platinum American Express và thẻ tín dụng Vietcombank Vietnam Airlines American Express Platinum , Thẻ tín dụng Vietcombank Visa Infinite.</p> <p>Vietcombank CashPlus Platinum American Express credit card and Vietcombank Vietnam Airlines American Express Platinum credit card, Vietcombank Visa Infinite credit card.</p> <p>Tối đa /Max 23,300,000,000 VNĐ</p> <p>- Thẻ tín dụng Vietcombank Mastercard World, Thẻ tín dụng Vietcombank Visa Signature, Thẻ tín dụng Vietcombank American Express Corporate, Thẻ tín dụng Vietcombank Visa Corporate, Thẻ tín dụng Vietcombank Visa Platinum, Thẻ ghi nợ Vietcombank Visa Platinum, Thẻ tín dụng Vietcombank Vibe Platinum, Thẻ tín dụng Vietcombank JCB Platinum.</p> <p>Vietcombank Mastercard World credit card, Vietcombank Visa Signature credit card, Vietcombank American Express Corporate credit card, Vietcombank Visa Corporate credit card, Vietcombank Visa Platinum credit card,</p> |





|   |                             |  |
|---|-----------------------------|--|
|   |                             | <p>Vietcombank Visa Platinum debit card,<br/>Vietcombank Vibe Platinum credit card,<br/>Vietcombank JCB Platinum credit card.</p> <p>Tối đa/Max 11,650,000,000 VNĐ</p> <p>- Thẻ tín dụng Vietcombank Amex hạng xanh, thẻ tín dụng Vietcombank Amex hạng vàng.</p> <p>Vietcombank Green Amex credit card,<br/>Vietcombank Gold Amex credit card.</p> <p>Tối đa 7,000,000,000 VNĐ cho người được bảo hiểm dưới 65 tuổi và tối đa 3,500,000,000 VNĐ cho Người được bảo hiểm từ 65 tuổi trở lên.</p> <p>The maximum insurance level is 7,000,000,000VND for cardholders age under 65 and the maximum insurance level is 3,500,000,000 VND for Cardholders age from 65 and older.</p> |
| 3 | Mất hành lý<br>Baggage Lost | <p>- Thẻ tín dụng Vietcombank CashPlus Platinum American Express và thẻ tín dụng Vietcombank Vietnam Airlines American Express Platinum , Thẻ tín dụng Vietcombank Visa Infinite.</p> <p>Tối đa 23.300.000 VNĐ cho mỗi vật dụng<br/>Max 23,300,000 VNĐ in respect of any one article</p> <p>Tối đa 23.300.000 VNĐ cho máy tính xách tay<br/>Max 23,300,000 VNĐ for Laptop</p>  |



|   |                            |  |
|---|----------------------------|--|
|   |                            | <p>- Thẻ tín dụng Vietcombank Mastercard World, Thẻ tín dụng Vietcombank Visa Signature, Thẻ tín dụng Vietcombank American Express Corporate, Thẻ tín dụng Vietcombank Visa Corporate, Thẻ tín dụng Vietcombank Visa Platinum, Thẻ ghi nợ Vietcombank Visa Platinum, Thẻ tín dụng Vietcombank Vibe Platinum, Thẻ tín dụng Vietcombank JCB Platinum.</p> <p>Tối đa 10.500.000 VNĐ cho mỗi vật dụng</p> <p>Max 10,500,000 VNĐ in respect of any one article</p> <p>Tối đa 10.500.000 VNĐ cho máy tính xách tay</p> <p>Max 10,500,000 VNĐ for Laptop</p> <p>- Thẻ tín dụng Vietcombank Amex hạng xanh và thẻ tín dụng Vietcombank Amex hạng vàng</p> <p>Tối đa 7.000.000 VNĐ đối với mỗi vật</p> <p>Max VND 7,000,000 for each and every item</p> <p>Tối đa 7.000.000 VNĐ cho máy tính xách tay</p> <p>Max VND 7,000,000 for Laptop</p> |
| 4 | Hủy chuyển<br>Cancellation | <p>- Thẻ tín dụng Vietcombank CashPlus Platinum American Express và thẻ tín dụng Vietcombank Vietnam Airlines American Express Platinum , Thẻ tín dụng Vietcombank Visa Infinite.</p> <p>Vietcombank CashPlus Platinum American Express credit card and Vietcombank Vietnam</p>  |



|   |   |  |
|---|---|--|
|   |   | <p>Airlines American Express Platinum credit card, Vietcombank Visa Infinite credit card.</p> <p>- Thẻ tín dụng Vietcombank Mastercard World, Thẻ tín dụng Vietcombank Visa Signature, Thẻ tín dụng Vietcombank American Express Corporate, Thẻ tín dụng Vietcombank Visa Corporate, Thẻ tín dụng Vietcombank Visa Platinum, Thẻ ghi nợ Vietcombank Visa Platinum, Thẻ tín dụng Vietcombank Visa Platinum, Thẻ tín dụng Vietcombank Vibe Platinum, Thẻ tín dụng Vietcombank JCB Platinum.</p> <p>Vietcombank Mastercard World credit card, Vietcombank Visa Signature credit card, Vietcombank American Express Corporate credit card, Vietcombank Visa Corporate credit card, Vietcombank Visa Platinum credit card, Vietcombank Visa Platinum debit card, Vietcombank Vibe Platinum credit card, Vietcombank JCB Platinum credit card.</p> <p>Tối đa 11.650.000 VNĐ<br/>Max VND 11.650.000</p> |
| 5 | <p>Quyền lợi sự cố<br/>Inconvenience benefits</p> <p>Trì hoãn chuyến bay<br/>Travel delay</p> <p>Hành lý đến chậm</p> | <p>- Thẻ tín dụng Vietcombank CashPlus Platinum American Express và thẻ tín dụng Vietcombank Vietnam Airlines American Express Platinum , Thẻ tín dụng Vietcombank Visa Infinite.</p> <p>Vietcombank CashPlus Platinum American Express credit card and Vietcombank Vietnam Airlines American Express Platinum credit card, Vietcombank Visa Infinite credit card.</p>   |



|  |                      |  |
|--|----------------------|--|
|  | <p>Baggage delay</p> | <p>1.491.200 VNĐ/tiếng, tối đa 12 tiếng<br/> 1,491,200 VNĐ/hour, max 12 hours</p> <p>- Thẻ tín dụng Vietcombank Mastercard World, Thẻ tín dụng Vietcombank Visa Signature, Thẻ tín dụng Vietcombank American Express Corporate, Thẻ tín dụng Vietcombank Visa Corporate, Thẻ tín dụng Vietcombank Visa Platinum, Thẻ ghi nợ Vietcombank Visa Platinum, Thẻ tín dụng Vietcombank Vibe Platinum, Thẻ tín dụng Vietcombank JCB Platinum.</p> <p>Thẻ tín dụng Vietcombank Mastercard World, Thẻ tín dụng Vietcombank Visa Signature, Thẻ tín dụng Vietcombank American Express Corporate, Thẻ tín dụng Vietcombank Visa Corporate, Thẻ tín dụng Vietcombank Visa Platinum, Thẻ ghi nợ Vietcombank Visa Platinum, Thẻ tín dụng Vietcombank Vibe Platinum, Thẻ tín dụng Vietcombank JCB Platinum.</p> <p>750.000 VNĐ/tiếng, tối đa 12 tiếng<br/> 750,000 VNĐ/hour, max 12 hours</p> <p>- Thẻ tín dụng Vietcombank Amex hạng xanh và thẻ tín dụng Vietcombank Amex hạng vàng/Vietcombank Green Amex credit card, Vietcombank Gold Amex credit card:</p> <p>Chỉ bảo hiểm cho trì hoãn chuyến bay/Only cover for Travel delay</p> <p>1.400.000 VNĐ cho mỗi 8 tiếng bị trì hoãn liên tục nhưng không quá 7.000.000 VNĐ</p> |
|--|----------------------|--|



|  |  |  |
|--|--|--|
|  |  | VND 1,400,000 for every 8 hours continuously delayed but not exceeding VND 7,000,000 |
|--|--|--|

### **Bồi thường phải trả cho tai nạn cá nhân**

Compensation payable in respect of Personal Accident

|   |                            |
|---|----------------------------|
| Tử vong   | 100% số tiền nêu trên      |
| Death   | 100% of sums above         |
| Thương tật toàn bộ vĩnh viễn  | 100% số tiền nêu trên      |
| Permanent total disability  | 100% of sums above         |
| Liệt toàn bộ các chi  | 100% số tiền nêu trên      |
| Total paralysis of Limbs  | 100% of sums above         |
| Tổng mất thị lực của cả hai mắt   | 100% số tiền nêu trên      |
| Total and irrecoverable loss of sight of both eyes                        | 100% of sums above         |
| Mất hai chi hoặc toàn bộ các chi và không thể hồi phục hai chi            | 100% tổng số tiền nêu trên |
| Loss of two Limbs or total and irrecoverable loss of the use of two Limbs | 100% of sums above         |
| Mất toàn bộ và không thể phục hồi khả năng nói và nghe (cả hai tai)       | 100% tổng số tiền nêu trên |
| Total and irrecoverable loss of speech and hearing (both ears)            | 100% of sums above         |
| Mất toàn bộ thính giác (cả hai tai)                                       | 75% tổng số tiền nêu trên  |
| Total and irrecoverable loss of hearing (both ears)                       | 75% of sums above          |
| Mất toàn bộ và không thể phục hồi khả năng nhìn ở một mắt                 | 55% tổng số tiền nêu trên  |
| Total and irrecoverable loss of sight of one eye                          | 55% of sums above          |
| Mất một chi hoặc mất toàn bộ và không thể phục hồi một chi.               | 50% tổng số tiền nêu trên  |
| Loss of one Limb or total and irrecoverable loss of the use of one Limb   | 50% of sums above          |
| Mất toàn bộ và không thể phục hồi thính giác (một tai)                    | 15% tổng số tiền nêu trên  |
| Total and irrecoverable loss of hearing (one ear)                         | 15% of sums above          |



## MỤC 12/Section 12: ĐIỀU KIỆN CHUNG GENERAL POLICY CONDITIONS

- 12.1 Chủ thẻ phải có sự cẩn trọng hợp lý nhằm ngăn ngừa mất mát, hư hỏng, tai nạn, thương tật hoặc bệnh tật, và nhằm bảo vệ, tiết kiệm và/hoặc phục hồi tài sản cá nhân.

The Cardholder must take reasonable care to prevent loss, damage, Accident, Bodily Injury or Illness, and to protect, save and/or recover personal property.

- 12.2 ISOS sẽ nỗ lực tốt nhất để cung cấp các quyền lợi và dịch vụ được mô tả trong Giấy chứng nhận này nhưng mọi trợ giúp và can thiệp tùy thuộc vào tính khả thi tại địa phương và phải tuân thủ luật pháp và quy định quốc gia và quốc tế và sự can thiệp phụ thuộc vào ISOS có được các ủy quyền cần thiết do các cơ quan chức năng khác nhau ban hành. ISOS sẽ không được yêu cầu cung cấp các quyền lợi và dịch vụ cho Chủ thẻ, những người theo quan điểm riêng của ISOS tại các khu vực đại diện cho rủi ro chiến tranh, chính trị hoặc các điều kiện khác khiến cho việc thực hiện các Dịch vụ đó là không thể hoặc không hợp lý.

International SOS shall use its best endeavours to provide the Benefits and Services described in this Certificate but any help and intervention depends upon, and is subject to local availability and has to remain within the scope of national and international law and regulations and intervention depends on International SOS obtaining the necessary authorisations issued by the various authorities concerned. International SOS shall not be required to provide Benefits and Services to the Cardholders, who in the sole opinion of International SOS are located in areas which represent war risks, political or other conditions such as to make such Services impossible or reasonably impracticable.

- 12.3 Thông báo bằng văn bản về bất kỳ Tai nạn, thủ tục tố tụng hoặc bất kỳ sự kiện nào khác có thể dẫn tới yêu cầu bồi thường sẽ được chuyển đến Nhà bảo hiểm trong vòng 30 ngày kể từ ngày xảy ra hoặc ngay khi có thể thực hiện hợp lý. Tất cả các chứng chỉ, thông tin, sự đồng ý và bằng chứng theo yêu cầu của Nhà bảo hiểm phải được cung cấp theo chi phí của Khách hàng hoặc Chủ thẻ hoặc người đại diện hợp pháp của họ. Yêu cầu bồi thường phải được Chủ thẻ điền và nộp cho Nhà bảo hiểm trong vòng 90 ngày kể từ ngày phát sinh chi phí. Thời hạn này có thể được kéo dài với sự chấp thuận trước của Nhà bảo hiểm khi tài khoản hỗ trợ không có sẵn kịp thời. Tất cả các tài liệu được nộp liên quan đến chi phí phát sinh phải là bản chính và không phải là bản sao.

Việc bồi thường cho bất cứ tổn thất nào sẽ được thực hiện trong vòng 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được đầy đủ các bằng chứng bằng văn bản hợp lệ về tổn thất đó. Trong trường hợp PVI cần tiến hành điều tra yêu cầu bồi thường theo Đơn bảo hiểm này, thời gian điều tra có



thể được mở rộng nếu thấy cần thiết, nhưng tổng thời gian không quá 90 ngày làm việc kể từ ngày PVI nhận được đủ các hồ sơ chứng minh tổn thất

Written notice of any Accident, proceedings or any other event which may give rise to a claim shall be given to Underwriters within 30 days of the occurrence or as soon as reasonably practicable. All certificates, information, consents and evidence required by Underwriters shall be provided at the expense of the Client or Cardholder or their legal representative. A claim form must be completed by the Cardholder and submitted to Underwriters within 90 days of expenditure being incurred. This time limit may be extended subject to the prior approval of Underwriters where supporting accounts are not available in time. All documents submitted in respect of expenditure incurred must be originals and not photocopies.

Compensation for any loss will be made within 15 working days of receipt of all valid written evidence of the loss. In the event that PVI is required to investigate claims under this Policy, the investigation period may be extended if deemed necessary, but the total period shall not exceed 90 working days from the date PVI receives the full records prove the loss.

- 12.4 Nếu Chủ thẻ hoặc / hoặc bất kỳ ai đại diện cho Chủ thẻ thực hiện bất kỳ phương thức gian lận nào để nhận bất kỳ Quyền lợi hoặc Dịch vụ được cung cấp theo Giấy chứng nhận này thì bất kỳ và tất cả các quyền liên quan đến Chủ thẻ theo Giấy chứng nhận này sẽ bị mất ngay lập tức.

If fraudulent means or devices are used by the Cardholder and/or anyone acting on his/her behalf, to obtain any Benefits or Services provided under this Certificate, any and all rights in respect of the concerned Cardholder in terms of this Certificate shall be forfeited immediately.

- 12.5 Nếu các Quyền lợi và Dịch vụ của Giấy chứng nhận này được bao trả toàn bộ hoặc một phần bởi bất kỳ hợp đồng bảo hiểm nào khác và/hoặc nguồn khác, Chủ thẻ chỉ được quyền yêu cầu bồi thường các khoản chi phí mà Chủ thẻ không thể thu hồi được từ các hợp đồng bảo hiểm/nguồn khác.

If the Benefits and Services of this Certificate are covered in whole or in part by any other insurance policy and/or other source, the Cardholder shall only be entitled to claim those costs, which cannot be recovered by the Cardholder from such other policy (s)/ sources.

- 12.6 Bất kỳ phần nào của vé du lịch của Chủ thẻ, không được sử dụng sau khi cung cấp Dịch vụ sơ tán/hồi hương hoặc Quyền lợi hủy bỏ, sẽ được nộp lại cho người bảo hiểm.



Any portion of a Cardholder's travel ticket, which is unused following the provision of evacuation /repatriation Services or cancellation Benefits, is to be surrendered to the Underwriters

- 12.7 Vào bất cứ lúc nào, với Nhà bảo hiểm, bằng chi phí của mình và không ảnh hưởng đến Giấy chứng nhận này, phải tiến hành bồi thường hoặc bảo đảm bồi thường cho bất kỳ bên thứ ba nào đối với bất kỳ tổn thất hoặc thương tích nào phát sinh việc cung cấp các Quyền lợi và Dịch vụ.

Underwriters may at any time and at their own expense and without prejudice to this Certificate take proceedings in the name of the Cardholder to obtain compensation or secure an indemnity from any third party in respect of any loss or Bodily Injury giving rise to the provision of Benefits and Services.

### **MỤC 13/ Section 13: CÁC LOẠI TRỪ THÔNG THƯỜNG ÁP DỤNG ĐỐI VỚI TẤT CẢ CÁC MỤC/ GENERAL EXCLUSIONS APPLYING TO ALL SECTIONS**

Giấy chứng nhận này không bao gồm: This Certificate does not cover

- 13.1 Các chi phí được chi trả cụ thể hơn hoặc có thể thu hồi từ bất kỳ hợp đồng bảo hiểm hoặc chương trình bảo hiểm quốc gia nào khác mà Chủ thẻ được bảo hiểm;

Expenses, which are more specifically covered by or recoverable from any other insurance policy or national insurance programme under which the Cardholder is covered;

- 13.2 Các chi phí phát sinh từ việc yêu cầu bồi thường đối với các sự kiện xảy ra sau Hành trình;

Expenses incurred as a result of claims for events occurring after the Journey;

- 13.3 Việc cung cấp các dịch vụ mà Chủ thẻ trên 81 tuổi vào Ngày có hiệu lực của Hợp đồng hoặc bất kỳ Hành trình nào tiếp theo;

The provision of services where a Cardholder is over 81 years of age at the Effective Date of the Agreement or any subsequent Journey;

- 13.4 Bất kỳ thương tật, khuyết tật hoặc điều kiện nào tồn tại trước đó mà Chủ thẻ đang nhận được sự điều trị, tư vấn hoặc tư vấn y tế tại thời điểm đi du lịch hoặc tại thời điểm sắp xếp việc đi lại;

Any pre-existing defect, infirmity or condition for which the Cardholder is receiving medical treatment, advice or consultation at the time of travelling or at the time of arranging travel;





- 13.5 Bất kỳ Hành trình nào được đặt hoặc thực hiện chống lại/trái với tư vấn y tế;  
Any Journey booked or undertaken against medical advice;
- 13.6 Các tình huống mà Hành trình được thực hiện cụ thể với mục đích được điều trị y tế;  
Situations where a Journey was specifically undertaken with the intention of obtaining medical treatment;
- 13.7 Các tình huống mà Hành trình đã được đặt sau khi nhận được một tiên lượng cuối cho Chủ thẻ hoặc Người thân;  
Situations where a Journey was booked after receipt of a terminal prognosis to the Cardholder or Relative;
- 13.8 Các chi phí liên quan đến các rối loạn tâm thần hoặc các điều kiện được điều trị trước đó;  
Expenses related to psychiatric disorders infirmities or conditions for which treatment has previously been received;
- 13.9 Các chi phí liên quan đến thai kỳ, trừ khi các biến chứng bất ngờ phát sinh và trong mọi trường hợp, thai kỳ đã bước vào tháng thứ 7 khi bắt đầu Hành trình;  
Expenses related to pregnancy, unless unexpected complications arise, and in no circumstances where the pregnancy has entered the 7th month at the start of a Journey;
- 13.10 Các tình huống phát sinh từ hoặc theo bất kỳ cách nào liên quan đến việc tự gây thương tích cho cơ thể hoặc bệnh tật, tâm thần, rượu, ma túy hoặc lạm dụng dược chất hoặc tự tiếp xúc với những nguy hiểm không cần thiết bao gồm tự tử (ngoại trừ nỗ lực cứu sống nhân mạng);  
Situations arising from or in any way connected with a wilfully self inflicted Bodily Injury or Illness, insanity, alcohol, drug or substance abuse or self exposure to needless peril (except in an attempt to save human life) including suicide;
- 13.11 Các yêu cầu bồi thường phát sinh bởi Chủ thẻ không thực hiện tất cả các bước hợp lý để bảo vệ bản thân và tài sản của họ;  
Claims resulting from the failure of the Cardholder to exercise all reasonable care to protect themselves and their property;
- 13.12 Ủy nhiệm hoặc nỗ lực thực hiện một hành vi bất hợp pháp;  
The commission of/or the attempt to commit, an unlawful act;



13.13 Bất kỳ chi phí nào, bất kể nguyên nhân nào liên quan đến việc sử dụng hoặc giải phóng hoặc đe dọa bất kỳ bằng vũ khí hạt nhân hoặc thiết bị hoặc chất hóa học hoặc sinh học nào, bao gồm nhưng không hạn chế ở chi phí hành động khủng bố hay chiến tranh;

Any expense, regardless of any contributory cause(s), involving the use of or release or the threat thereof of any nuclear weapon or device or chemical or biological agent, including but not limited to expenses in any way caused or contributed to by an Act of Terrorism or war;

13.14 LOẠI TRỪ Ô NHIỄM PHÓNG XẠ - Bảo hiểm này không bao gồm bất kỳ chi phí nào là kết quả trực tiếp của phản ứng hạt nhân hoặc phóng xạ;

RADIOACTIVE CONTAMINATION EXCLUSION - This Insurance does not cover any expense which is a direct result of nuclear reaction or radiation;

i) mất mát hoặc phá hủy, hoặc hư hỏng, bất kỳ tài sản nào hoặc bất kỳ tổn thất hoặc chi phí nào phát sinh từ hoặc bất kỳ tổn thất do hậu quả nào.

loss or destruction of, or damage to, any property whatsoever or any loss or expense whatsoever resulting or arising therefrom or any consequential loss

ii) bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào về bản chất trực tiếp hoặc gián tiếp gây ra bởi hoặc đóng góp bởi hoặc phát sinh từ

any legal liability of whatsoever nature directly or indirectly caused by or contributed to by or arising from

a) bức xạ ion hóa hoặc nhiễm phóng xạ từ bất kỳ nhiên liệu hạt nhân hoặc từ bất kỳ chất thải hạt nhân nào từ quá trình đốt nhiên liệu hạt nhân

ionizing radiations or contaminations by radioactivity from any nuclear fuel or from any nuclear waste from the combustion of nuclear fuel

b) các tính chất phóng xạ, độc hại, nổ hoặc các nguy hại khác của bất kỳ bộ phận hạt nhân nổ hoặc thành phần hạt nhân nào có liên quan

the radioactive, toxic, explosive or other hazardous properties of any explosive nuclear assembly or nuclear component thereof

c) phản ứng hạt nhân, bức xạ hạt nhân hoặc ô nhiễm phóng xạ

nuclear reaction, nuclear radiation or radioactive contamination

13.16 Mất mát do hậu quả không thuộc phạm vi bảo hiểm được quy định cụ thể;



Consequential loss other than stated as being specifically covered;

- 13.17 Các dịch vụ được cung cấp bởi bất kỳ Bên nào ngoài ISOS mà sẽ không bị tính phí nếu Giấy chứng nhận này không có hiệu lực;

Services provided by any Party other than International SOS for which no charge would be made if this certificate were not in place;

- 13.18 Các yêu cầu bồi thường được thông báo sau hơn 90 ngày kể từ ngày xảy ra tổn thất;

Claims notified more than 90 days after the date of loss;

- 13.19 Chủ thẻ thực hiện bất kỳ loại hình công việc nguy hiểm nào liên quan đến bất kỳ hoạt động kinh doanh, thương mại hoặc nghề nghiệp nào;

The Cardholder exercising any form of hazardous work in connection with any business, trade or profession;

- 13.20 Chủ thẻ tham gia vào bất kỳ hình thức nào của chuyến bay trên không, ngoại trừ một hành khách trả tiền vé trên một hãng hàng không theo lịch trình thường xuyên hoặc máy bay được cấp phép được trên một tuyến đường đã được thiết lập;

The Cardholder engaging in any form of aerial flight except as a fare-paying passenger on a regular scheduled airline or licensed charter aircraft over an established route;

- 13.21 Bất kỳ chi phí nào liên quan đến tai nạn hoặc thương tích xảy ra trong khi Chủ thẻ tham gia vào bất kỳ hoạt động nguy hiểm, trò tiêu khiển hoặc theo đuổi, thám hiểm hang động, leo núi đòi hỏi việc sử dụng hướng dẫn hoặc dây thừng, khám phá các hốc sâu trong đá và hang động, nhảy dù, nhảy bungee, lặn biển sâu sử dụng mũ bảo hiểm cứng với ống thông khí, võ thuật, đánh trả qua lại, đua dưới bất kỳ hình thức nào mà không phải là đi bộ, và bất kỳ thể môn thao có tổ chức thực hiện trên cơ sở chuyên nghiệp hoặc tài trợ;

Any expense related to accident or injury occurring while the Cardholder is engaged in any hazardous activity, pastime or pursuit, caving, mountaineering or rock climbing necessitating the use of guides or ropes, potholing, skydiving, parachuting, bungee-jumping, ballooning, hang-gliding, deep sea diving utilizing hard helmet with air hose attachments, martial arts, rallying, racing of any kind other than on foot, and any organized sports undertaken on a professional or sponsored basis;

- 13.22 Chủ thẻ tham gia vào bất kỳ môn thể thao mùa đông nào, thể thao chuyên nghiệp;

The Cardholder engaging in any winter sports;

- 13.23 Chủ thẻ không đến làm thủ tục tại sân bay theo lịch trình quy định của hãng hàng không;



The Cardholder not check in at the airport as per the official check-in time as required by the airline;

- 13.24 Chủ thẻ chủ động tham gia hoạt động lực lượng vũ trang của bất kỳ quốc gia nào;

The Cardholder engaging in active service in the armed forces of any nation;

- 13.25 Chủ thẻ chủ động tham gia chiến tranh (dù được tuyên bố hay không), xâm lược, hành động của kẻ thù nước ngoài, thù địch, nội chiến, nổi loạn, bạo loạn, cách mạng hay nổi dậy; và

The Cardholder engaging in active participation in war (whether declared or not), invasion, act of foreign enemy, hostilities, civil war, rebellion, riot, revolution or insurrections; and

- 13.26 Bất kỳ chấn thương cơ thể, bệnh tật, tử vong, mất mát, chi phí hoặc bất kỳ trách nhiệm nào khác liên quan đến HIV (Virus suy giảm miễn dịch ở người) hoặc AIDS (Hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải) hoặc bất kỳ hội chứng tương tự nào với bất kỳ tên gọi nào trừ khi bị nhiễm trong quá trình khám, xét nghiệm hoặc điều trị y khoa (trừ khi có liên quan đến lạm dụng thuốc hoặc các bệnh lây truyền qua đường tình dục).

Any Bodily Injury, Illness, death, loss, expenses or any other liability attributable to HIV (Human Immunodeficiency Virus) or AIDS (Acquired Immune Deficiency Syndrome) or any similar syndrome whatever it is called unless contracted during a medical investigation, test or course of treatment (unless related to drug abuse or sexually transmitted diseases).

- 13.27 ĐIỀU KHOẢN LOẠI TRỪ VỀ BẢO ĐẢM TÀI CHÍNH - Hợp đồng bảo hiểm này không bao gồm bất kỳ hình thức bảo lãnh tài chính, bảo lãnh hoặc bồi hoàn tín dụng nào.

FINANCIAL GUARANTEE EXCLUSION CLAUSE/This policy does not cover any form of Financial Guarantee, Surety or Credit Indemnity.

- 13.28 ĐIỀU KHOẢN VỀ CHIẾN TRANH VÀ KHỦNG BÓ

WAR AND TERRORISM CLAUSE

Bất chấp có bất kỳ điều khoản nào trái ngược với giấy chứng nhận bảo hiểm này, hoặc bất kỳ sự xác nhận nào, các bên đồng ý rằng giấy chứng nhận bảo hiểm này bảo hiểm cho thương tích cơ thể trực tiếp hoặc gián tiếp gây ra bởi, vì lý do, hoặc có liên quan đến bất kỳ điều nào sau đây;

Notwithstanding any provision to the contrary within this insurance, or any endorsement thereto, it is agreed that this insurance covers bodily injury directly or indirectly caused by, resulting from, or in connection with any of the following;



- i) Chiến tranh, thù địch hoặc các hoạt động chiến tranh (dù chiến tranh có được tuyên bố hay không),  
War, hostilities or warlike operations (whether war be declared or not),
- ii) Xâm chiếm,  
Invasion,
- iii) Hành động của kẻ thù ở nước ngoài đối với quốc tịch của người được bảo hiểm hoặc  
Act of an enemy foreign to the nationality of the insured person or the country in, or over, which the act occurs,
- iv) Nội chiến,  
Civil war,
- v) Bạo loạn,  
Riot,
- vi) Nổi loạn,  
Rebellion,
- vii) Nổi dậy,  
Insurrection,
- viii) Cách mạng,  
Revolution,
- ix) Lật đổ chính phủ được thành lập hợp pháp,  
Overthrow of the legally constituted government,
- x) Xáo động trong nhân dân dẫn tới một phần hoặc gây ra một cuộc nổi dậy,  
Civil commotion assuming the proportions of, or amounting to, an uprising,
- xi) Hành động quân sự hoặc đảo chính,  
Military or usurped power,
- xii) Nổ vũ khí chiến tranh,  
Explosions of war weapons,
- xiii) Giết người hoặc hành hung được chứng tỏ không có nghi ngờ là hành động của các đơn vị của một quốc gia nước ngoài với quốc tịch của người được bảo hiểm dù chiến tranh có được tuyên bố với nhà nước đó hay không,  
Murder or Assault subsequently proved beyond reasonable doubt to have been the act of agents of a state foreign to the nationality of the insured person whether war be declared with that state or not,



xiv) Hoạt động khủng bố.

Terrorist Activity.

miễn là: always provided

Người được bảo hiểm không chủ động tham gia vào bất kỳ hoặc tất cả các hành động, từ mục (ii) đến (xiv) ở trên và

That the Insured person(s) are not actively participating in any, or all, of (ii) to (xiv) above, and

Không mục nào trong số các mục từ (i) đến (xiv) ở trên là kết quả của việc sử dụng vũ khí hạt nhân, hóa học hoặc sinh học để hủy diệt hàng loạt bất cứ thứ gì có thể được phân phối hoặc kết hợp và,

That none of (i) to (xiv) above are the result of the utilisation of Nuclear, Chemical or Biological weapons of mass destruction howsoever these may be distributed or combined and,

Bảo hiểm này tuân theo các điều khoản và điều kiện của Điều khoản loại trừ chiến tranh giới hạn, NMA 2582B (như đã đính kèm) được quy định tại Khoản 13.28 của Giấy chứng nhận này.

That this insurance is subject to the terms and conditions of the Limited War Exclusion Clause in Clause 13.28 to this Certificate

Với mục đích của phần mở rộng này;

For the purpose of this extension

Hành động khủng bố là hành động, bao gồm nhưng không giới hạn việc sử dụng vũ lực hoặc bạo lực và/hoặc đe dọa của bất kỳ người hoặc nhóm người nào, cho dù hành động một mình hoặc thay mặt hoặc liên quan đến bất kỳ tổ chức nào (hoặc chính phủ, cam kết vì mục đích chính trị, tôn giáo, tư tưởng hoặc tương tự bao gồm ý định gây ảnh hưởng đến bất kỳ chính phủ và/hoặc khiến công chúng, hoặc bất kỳ thành phần nào của công chúng sợ hãi.

Terrorist Activity means an act, including but not limited to the use of force or violence and/or the threat thereof, of any person or group(s) of persons, whether acting alone or on behalf of or in connection with any organisation(s) or government(s), committed for political, religious, ideological or ethnic purposes or reasons including the intention to influence any government and/or to put the public, or any section of the public, in fear.



Việc sử dụng vũ khí hạt nhân hủy diệt hàng loạt có nghĩa là sử dụng vũ khí hạt nhân nổ hoặc thiết bị hoặc phát thải, xả, phân tán, giải phóng hoặc thoát khỏi vật liệu phân hạch phát ra mức phóng xạ có khả năng gây vô hiệu hóa hoặc tử vong ở người hoặc động vật.

Utilisation of Nuclear weapons of mass destruction means the use of any explosive nuclear weapon or device or emission, discharge, dispersal, release or escape of fissile material emitting a level of radioactivity capable of causing incapacitating disablement or death amongst people or animals.

Việc sử dụng vũ khí hóa học hủy diệt hàng loạt có nghĩa là phát xạ, xả, phân tán, giải phóng hoặc thoát khỏi bất kỳ hợp chất hóa học rắn, lỏng hoặc khí nào, khi phân phối phù hợp, có khả năng gây thương tật hoặc chết người hoặc động vật.

Utilisation of Nuclear weapons of mass destruction means the use of any explosive nuclear weapon or device or emission, discharge, dispersal, release or escape of fissile material emitting a level of radioactivity capable of causing incapacitating disablement or death amongst people or animals.

Sử dụng vũ khí sinh học hủy diệt hàng loạt có nghĩa là phát xạ, phóng thích, phân tán, giải phóng hoặc thoát khỏi bất kỳ vi sinh vật gây bệnh (hoặc sinh sản gây bệnh) và/hoặc độc tố sinh học (bao gồm sinh vật biến đổi gen và độc tố tổng hợp về mặt hóa học) có khả năng gây ra thương tật hoặc tử vong ở người hoặc động vật.

Utilisation of Biological weapons of mass destruction means the emission, discharge, dispersal, release or escape of any pathogenic (disease producing) micro-organism(s) and / or biologically produced toxin(s) (including genetically modified organisms and chemically synthesised toxins) which are capable of causing incapacitating disablement or death amongst people or animals.

Nếu các Nhà bảo hiểm cho rằng, cùng với những tài liệu chứng minh phù hợp, bởi lý do của định nghĩa này, bất kỳ yêu cầu bồi thường nào không được bảo hiểm này chi trả, Người được bảo hiểm có nghĩa vụ chứng minh điều ngược lại.

If the Underwriters allege that, with appropriate documentary evidence, by reason of this definition any claim is not covered by this insurance the burden of proving the contrary shall be upon the Insured.

### 13.29 ĐIỀU KHOẢN LOẠI TRỪ GIỚI HẠN CHIẾN TRANH - NMA2582B



## LIMITED WAR EXCLUSION CLAUSE - NMA2582B

Bất chấp có bất kỳ điều gì trái ngược trong tài liệu này, Bảo hiểm này không bao gồm các mất mát do:

Notwithstanding anything to the contrary contained herein, this Insurance does not cover loss consequent on:

- a) chiến tranh, dù được tuyên bố hay không, giữa bất kỳ quốc gia nào sau đây, cụ thể là Trung Quốc, Pháp, Vương quốc Anh, Liên bang Nga và Hoa Kỳ, hoặc war, whether declared or not, between any of the following countries, namely, China, France, the United Kingdom, the Russian Federation and the United States of America, or
- b) chiến tranh ở châu Âu, dù được tuyên bố hay không, ngoài: war in Europe, whether declared or not, other than:
  - (i) nội chiến, civil war
  - (ii) bất kỳ hành động thực thi nào hoặc thay mặt Liên Hiệp Quốc, trong đó bất kỳ quốc gia nào nêu tại (a) trên hoặc bất kỳ lực lượng vũ trang nào được tham gia. any enforcement action by or on behalf of the United Nations, in which any of the countries stated in (a) above or any armed forces thereof are engaged.

### **MỤC 14/Section 14: PHÍ BẢO HIỂM/ PREMIUM**

Khi xem xét các Quyền lợi và Dịch vụ được cung cấp dưới đây, Khách hàng phải trả phí bảo hiểm tối thiểu khi bắt đầu hợp đồng này dựa trên số lượng thẻ được sử dụng lúc khởi đầu và được tính theo phí bảo hiểm cho mỗi thẻ.

In consideration of the Benefits and Services to be provided hereunder, the Client shall pay a Minimum and Deposit premium at the inception of this contract based upon the number of cards in use at inception and calculated according to the premium per card





## MỤC 15/Section 15: CÁCH LẬP MỘT YÊU CẦU BỒI THƯỜNG/ HOW TO MAKE A CLAIM

15.1. Tất cả các mẫu yêu cầu bồi thường thiệt hại được đính kèm theo Giấy chứng nhận này để sử dụng khi xảy ra sự kiện có thể dẫn đến yêu cầu bồi thường theo Giấy chứng nhận này. Trong trường hợp có bất kỳ thay đổi nào trong mẫu yêu cầu bồi thường, Bảo hiểm PVI phải ngay lập tức cung cấp cho Khách hàng và/hoặc Chủ thẻ.

All claim forms are attached to this Certificate for using in the event of an event occurring that may give rise to a claim under this Certificate. In case there is any change in claim forms, PVI insurance shall immediately provide updated form(s) to Client.

15.2. Chủ thẻ phải điền vào mẫu đơn yêu cầu, đính kèm tất cả các tài liệu được yêu cầu theo quy định tại Điều 17 bên dưới và gửi đến văn phòng Bảo hiểm PVI gần nhất (địa chỉ bên dưới).

The Cardholder will complete the claim form, attach all requested documents as detailed in Section 15 hereunder and send them to the nearest PVI Insurance office (address below).

15.3 Ngay sau khi sự cố dẫn đến yêu cầu bồi thường, trong vòng 30 ngày, thông báo bằng văn bản phải được gửi đến:

Immediately after the incident leading up to the claim, within 30 days, the written notice must be sent to:

Văn phòng Chăm sóc khách hàng Bảo hiểm PVI Phía Bắc – Tổng công ty Bảo hiểm PVI

Customer support North Office – PVI Insurance Corporation

Địa chỉ/ Address: Tầng 19 Tòa nhà PVI, số 01 Phạm Văn Bạch, Cầu Giấy, Hà Nội

19 floor, PVI Tower, 01 Pham Van Bach, Cau Giay, Ha Noi

Điện thoại/Tel: +84 24 3768 2999

Fax: +84 24 3795 5625

Hotline Call Center: +(84) 2473 008 006

## MỤC 16/Section 16: THỦ TỤC YÊU CẦU BỒI THƯỜNG CLAIM DOCUMENT

### Các chứng từ khiếu nại cơ bản:

Claim Documents needed

1. Giấy yêu cầu bồi thường đã được điền hoàn chỉnh và có xác nhận về tính hợp lệ và hiệu lực của chủ thẻ như đính kèm

Claim request form with complete information as attached



2. Bản sao hộ chiếu (đối với hành trình quốc tế hoặc Chứng minh thư/Căn cước công dân (đối với các hành trình nội địa)  
A copy of the Insured's passport
  3. Bản sao Vé phương tiện vận chuyển công cộng/Thẻ lên máy bay  
A copy of travel ticket or boarding pass
  4. Hoá đơn, chứng từ chứng minh việc tuân theo thanh toán qua thẻ  
Proof of Invoice show that trip expenses was paid by card
  5. Chứng từ chứng minh độ dài của chuyến đi.  
Proof of the length of journey
  6. Các chứng từ chứng minh hoàn cảnh tổn thất và số tiền khiếu nại  
Proof of losses/damages and the claim amount
- Chứng từ yêu cầu bồi thường này không làm thay đổi các điều kiện điều khoản của hợp đồng bảo hiểm và được sử dụng như một tài liệu tham khảo cho các chứng từ được yêu cầu cho từng loại yêu cầu bồi thường. Các chứng từ được yêu cầu có thể thay đổi theo từng trường hợp.  
The above listed basic claim documents do not change any terms and conditions of Insurance Contract and will be used as a reference to claims. Requested claim documents may change on a case-by-case basis.

## **MỤC 17/Section 17: CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC OTHER PROVISIONS**

### **Điều khoản hủy bỏ/ CANCELLATION CLAUSE**

Nếu Giấy chứng nhận bảo hiểm này bị hủy bỏ bởi Người được bảo hiểm, Nhà bảo hiểm phải giữ nguyên tỷ lệ lãi suất ngắn hạn thông thường của phí bảo hiểm, trừ trường hợp Giấy chứng nhận bảo hiểm này có thể điều chỉnh, Nhà bảo hiểm sẽ nhận được phí bảo hiểm đã nhận hoặc tỷ lệ lãi suất ngắn hạn của bất kỳ phí bảo hiểm tối thiểu nào được quy định trong đây tùy theo mức nào cao hơn.

If this Insurance shall be cancelled by the Insured the Underwriters shall retain the customary short rate proportion of the premium hereon, except that if this Insurance is on an adjustable basis the Underwriters shall receive the earned premium hereon or the customary short rate proportion of any minimum premium stipulated herein whichever is the greater.

Nếu Giấy chứng nhận bảo hiểm này bị hủy bỏ bởi Nhà bảo hiểm, Nhà bảo hiểm sẽ giữ nguyên tỷ lệ phí bảo hiểm, trừ trường hợp Giấy chứng nhận bảo hiểm này có thể điều chỉnh, Nhà bảo hiểm sẽ nhận được phí bảo hiểm đã nhận tương ứng với thời gian bảo hiểm tính đến thời điểm bị hủy bỏ.



If this Insurance shall be cancelled by or on behalf of the Underwriters the Underwriters shall retain the pro rata proportion of the premium hereon, except that if this Insurance is on an adjustable basis the Underwriters shall receive the premium calculated on the period between the Effective Date and the date of cancellation.

Việc thanh toán hoặc cung cấp bất kỳ khoản phí bảo hiểm nào chưa được thực hiện bởi Nhà bảo hiểm sẽ không phải là điều kiện trước khi việc hủy bỏ có hiệu lực, nhưng việc thanh toán đó phải được thực hiện càng sớm càng tốt.

Payment or tender of any unearned premium by the Underwriters shall not be a condition precedent to the effectiveness of Cancellation but such payment shall be made as soon as practicable.

Nếu khoảng thời gian giới hạn liên quan đến việc thông báo bị cấm hoặc bị vô hiệu bởi bất kỳ luật nào kiểm soát việc xây dựng nào, thời hạn đó sẽ được coi là sửa đổi để bằng với thời hạn tối thiểu được luật pháp cho phép.

If the period of limitation relating to the giving of notice is prohibited or made void by any law controlling the construction thereof, such period shall be deemed to be amended so as to be equal to the minimum period of limitation permitted by such law.

### **Điều khoản giới hạn và cấm vận**

#### Sanction Limitation and Exclusion Clause

Công ty bảo hiểm không xem xét việc bảo hiểm cũng như chịu trách nhiệm chi trả cho bất kỳ khiếu nại hay quyền lợi đó có thể khiến Công ty bảo hiểm đó bị xử phạt, ngăn cấm, hạn chế theo quyết định của Liên hợp quốc hoặc các chế tài về thương mại, kinh tế, luật hoặc quy định của Liên minh Châu Âu, Vương Quốc Anh hoặc Hoa Kỳ.

No insurer shall be deemed to provide cover and no insurer shall be liable to pay any claim or provide any benefit hereunder to the extent that the provision of such cover, payment of such claim or provision of such benefit would expose that (re)insurer to any sanction, prohibition or restriction under United Nations resolutions or the trade or economic sanctions, laws or regulations of the European Union, United Kingdom or United States of America.

## **TỔNG CÔNG TY BẢO HIỂM PVI**

*Bản cập nhật ngày 01/04/2023*

